

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 480/2018/HC-PT

Ngày: 15/5/2018

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về xử lý vi phạm hành chính
trong lĩnh vực xây dựng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Hữu Thor

: Bà Lê Thị Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:*** Ông Tôn Mạnh Hùng - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 76/2017/TLPT-HC ngày 09 tháng 11 năm 2017 về “Khiếu kiện quyết định
hành chính về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của
Tòa án nhân dân Quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1338/2018/QĐXXPT-HC ngày
28/03/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2408/2018/QĐPT-HC ngày
17/4/2018, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 202/8 đường S, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí
Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh T, sinh
năm 1972.

Địa chỉ: Số 38/2 đường Đ, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền số Công chứng 005013 quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/03/2017 của Văn phòng Công chứng B)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Luật sư Trần Hải Đ – Văn phòng Luật sư Đ

Địa chỉ: Số 259A (lầu 8) đường H, Phường 6, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y, quận T

Địa chỉ: Số 48 đường Y, phường Y, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Dương Thị Cẩm T, sinh năm 1984, Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y, quận T.

(Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 02/01/2018)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Phạm Xuân L, Chức vụ: Công chức Tư pháp hộ tịch Ủy ban nhân dân phường Y;

- Bà Hà Thị Kim T, Chức vụ: Công chức địa chính xây dựng Ủy ban nhân dân phường Y.

3. *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị H - Người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Khu đất có diện tích 1.430,6m² thuộc một phần thửa 26, tờ Bản đồ 108 ĐCCQ 2005 tọa lạc tại phường Y, quận T do bà Huỳnh Thị H trực tiếp sử dụng. Ngày 14/10/2016 và ngày 03/11/2016 Ủy ban nhân dân phường Y (gọi Ủy ban phường Y), quận T tiến hành lập các Biên bản vi phạm hành chính số 80/BB-VPHC và 86/BB-VPHC về việc tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng.

Ngày 01/03/2017, Chủ tịch Ủy ban phường Y ban hành Quyết định số 381/QĐ-UBND (gọi Quyết định 381) về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà H. Ngày 10/8/2017 Chủ tịch phường Y ban hành Quyết định số 1816/QĐ-UBND (gọi Quyết định 1816) về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định 381. Ngày 22/8/2017 và ngày 29/9/2017, Chủ tịch Ủy ban phường Y ban hành Quyết định số 1909/QĐ-UBND và Quyết định số 2308/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định 1816.

** Trong đơn khởi kiện ngày 09/03/2017, Đơn sửa đổi đơn khởi kiện ngày*

01/4/2017, Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện bà Huỳnh Thị H có ông Nguyễn Minh T đại diện theo ủy quyền trình bày:

Khu đất trên do bà H mua giấy tay của ông Cao Chí T, ông Phạm Văn P và trực tiếp quản lý sử dụng hợp pháp từ năm 2000 cho đến nay. Trong quá trình sử dụng bà H đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất hàng năm cho Nhà nước và khu đất này không ai tranh chấp. Khi tiếp quản trên khu đất có công trình nhà vệ sinh, nhưng đã bị hư hỏng không sử dụng được, phần do khó khăn về chỗ ở nên bà H phải dựng tạm 03 căn lều bạt bằng vật liệu nhẹ trên khu đất và sửa chữa lại nhà vệ sinh vào thời điểm tháng 10/2016.

Theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 13 Nghị định 121/2013/NĐ-CP và khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính thì trường hợp của bà H chỉ áp dụng hình thức phạt tiền ngay sau khi lập biên bản vi phạm. Chủ tịch Ủy ban phường Y không áp dụng hình thức phạt tiền ngay thời điểm vi phạm mà để đến năm 2017 lấy lý do quá hạn ban hành quyết định xử phạt để ban hành Quyết định 381 buộc khắc phục hậu quả là trái với quy định này. Do đó, yêu cầu hủy Quyết định 318 và Quyết định 1816.

** Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y có bà Dương Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Tháng 10/2016, bà H có đề nghị Ủy ban phường Y cho bà cất dựng nhà tạm với kết cấu là cột sắt, mái bạt trên khu đất. Tại buổi họp ngày 03/10/2016 phường đã yêu cầu bà H giữ nguyên hiện trạng, chờ cơ quan chức năng giải quyết, bà H không chấp hành và tự rào lưới B40 quanh khu đất. Ngày 07/10/2016, Ủy ban phường Y tiếp tục làm việc và có yêu cầu bà H tự tháo dỡ phần diện tích đất đã rào lưới B40, bà H không thực hiện và tiếp tục xây dựng nhà với kết cấu là cột sắt, mái bạt. Vì vậy, Ủy ban phường Y đã tiến hành lập biên bản ghi nhận hành vi vi phạm hành chính trong hoạt động xây dựng của bà H và ban hành các Quyết định 381; 1816; 1909 và 2308 để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả tại địa điểm vi phạm là khu đất đường Lê Sát và đường Đỗ Thừa Tự (thuộc MP26 tờ 108 BĐĐC 2005) đối với bà H. Các quyết định này Ủy ban phường Y ban hành là đúng quy định của pháp luật. Ý kiến của Ủy ban phường Y là không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 29/9/2017, Tòa án nhân dân Quận T đã quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc hủy Quyết định áp dụng

biện pháp khắc phục hậu quả số 381/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 và Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y.

Ngoài ra bản án còn có phần quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong đơn kháng cáo ngày 04/10/2017, người khởi kiện bà Huỳnh Thị H yêu cầu sửa toàn bộ bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Tại Đơn kháng cáo bổ sung ngày 30/01/2018, bà H yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* Người khởi kiện và đại diện người khởi kiện trình bày:

Khu đất có diện tích 1.430,6 m² thuộc một phần thửa 26, tờ Bản đồ 108 ĐCCQ 2005 tọa lạc tại phường Y là của Giáo xứ Tân Thái Sơn, Hội đồng Giáo Xứ giao cho bà H trọn quyền sử dụng và bà H đã đền bù tiền cho ông Phạm Văn P và ông Cao Chí T, việc đền bù và giao nhận đất được thể hiện qua các tài liệu, chứng cứ: Bản thỏa thuận ngày 05/12/2001 giữa Hội đồng Giáo xứ Tân Thái Sơn có bà H đại diện và ông Cao Chí T kèm Giấy nhận tiền đền bù cùng ngày; Bản thỏa thuận ngày 05/12/2001 giữa Hội đồng Giáo xứ Tân Thái Sơn có bà H đại diện và ông Phạm Văn P kèm Giấy nhận tiền đền bù cùng ngày có tên người nhận Phạm Văn P; Biên bản giao đất đền bù ngày 05/12/2001; Bản tổng kết có nội dung bà H đã tạm ứng tiền đền bù đền bù ngày 05/4/2002.

Phiên tòa sơ thẩm kéo dài cả ngày 29/9/2017, trong ngày 29/9/2017 Chủ tịch Ủy ban phường Y ban hành Quyết định số 2307/QĐ-UBND về gia hạn hiệu lực đối với Quyết định 316/QĐ-GQ ngày 10/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban phường Y về giao quyền xử phạt vi phạm hành chính cho Phó Chủ tịch là bà Dương Thị Cẩm T và Quyết định 2308 về đính chính Quyết định 1816. Quyết định 2308, bà H chưa được nhận, Ủy ban phường Y cho rằng đã giao cho bà H nhưng không chứng minh được có việc giao nhận hợp lệ, cấp sơ thẩm xem xét luôn, như vậy đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đồng thời, các Quyết định hành chính này về hình thức ban hành cũng không đúng theo Mẫu Quyết định số 29 ban hành kèm theo Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ. Từ lý do này bà H xác định yêu cầu kháng cáo là hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính.

* Người bị kiện có bà Dương Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền có yêu

cầu vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện có ý kiến:

Người ký thay Chủ tịch Ủy ban phường Y trong Quyết định 381 và Quyết định 1816 là Phó Chủ tịch, theo nội dung Quyết định 449 và Quyết định 2307 về việc gia hạn hiệu lực đối với Quyết định giao quyền của Chủ tịch Ủy ban phường Y thì quyền xử phạt vi phạm hành chính của Phó Chủ tịch đã chấm dứt từ ngày 09/3/2017, cùng ngày Tòa sơ thẩm mở phiên tòa Chủ tịch phường lại ban hành Quyết định 2307 và Quyết định 2308. Trong Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và các Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan không quy định việc gia hạn thời gian hiệu lực của quyết định giao quyền xử phạt vi phạm hành chính và quy định hành vi đình chỉ. Việc ban hành 2 quyết định này là hành vi đối phó với việc vi phạm nghiêm trọng trong việc ban hành Quyết định 1816 của Chủ tịch Ủy ban phường Y.

Quyết định 1909 không được người bị kiện giao nộp hợp lệ, trong hồ sơ vụ án không có biên bản giao nhận chứng cứ; Quyết định 2308 ban hành vào đúng ngày Tòa án đang xét xử, không tổng đạt cho bà H.

Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về việc sử dụng các chứng cứ không hợp pháp, đề nghị chấp nhận yêu kháng cáo của bà H theo hướng hủy án sơ thẩm.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện có ý kiến:

Trước khi xử lý hành vi xây dựng không giấy phép của bà H, Ủy ban phường Y đã mở 4 cuộc họp, trong các cuộc họp này Ủy ban phường Y có giải thích và đề nghị bà H giữ nguyên hiện trạng khu đất chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Tuy nhiên, bà H không hợp tác và vẫn tiến hành xây dựng nên Ủy ban phường Y buộc phải xử lý. Các quyết định 381; 1816; 1909 và 2308 Chủ tịch Ủy ban phường Y ban hành là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị, bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng;
- Yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện không có cơ sở, đề nghị bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ y quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại

phiên tòa và kết quả tranh luận của các đương sự;
Sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;
Sau khi nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Ngày 04/10/2017, bà Huỳnh Thị H nộp đơn kháng cáo tại Tòa án nhân dân quận T, theo quy định tại Khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính đơn kháng cáo của bà H còn trong thời hạn, đúng thủ tục.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

Tại đơn đề ngày 17/01/2018 và ngày 14/5/2018, người bị kiện Chủ tịch Ủy ban phường Y có bà Dương Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện bà Hà Thị Kim T có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đại diện của người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi của người bị kiện.

[3] Về nội dung:

Đại diện người khởi kiện cho rằng, hành vi xây dựng trái phép của bà H nếu có xử lý thì chỉ được áp dụng hình thức phạt tiền, quyết định 381 và Quyết định 1816 không đúng hình thức, người ký quyết định không có thẩm quyền ký, Quyết định 2308 được ban hành ngay ngày Tòa sơ thẩm mở phiên tòa, bà H chưa được giao nhận, trong bản án cấp sơ thẩm xem xét luôn là vi phạm tố tụng, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về thời hiệu:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/03/2017 và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 21/8/2017, người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 381 và Quyết định 1816, 02 quyết định này là quyết định hành chính về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý xây dựng do Chủ tịch Ủy ban phường Y quận T ban hành. Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 30; Điều 31 và điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T và còn thời hiệu khởi kiện.

[3.2] Về thẩm quyền ban hành:

Theo quy định tại Điều 126 và điểm b Khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân có quyền quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp mình và Phó chủ tịch thực hiện nhiệm vụ quyền hạn do Chủ tịch phân công.

Tại Quyết định 316 và Quyết định 449, Chủ tịch Ủy ban phường Y đã giao quyền cho Phó Chủ tịch là bà Dương Thị Cẩm T được thực hiện các thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban phường Y quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính và các Nghị định hướng dẫn có liên quan, kể từ ngày 10/03/2016 đến ngày 31/12/2017. Các Quyết định 318; 1816; 1919 và 2308 được bà Tú với tư cách Phó chủ tịch ký thay Chủ tịch còn trong thời hạn và đúng quy định.

[3.3] Về yêu cầu của đương sự:

Theo nội dung Quyết định 2308 thì Chủ tịch Ủy ban phường Y đã đình chỉ về thẩm quyền ban hành Quyết định 1816 và đình chỉ phần diện tích đối với phần xây dựng hiện trạng khung sắt mái nhựa, quyết định này là một phần không thể tách rời của Quyết định 1816. Đây là tài liệu, chứng cứ mới trong vụ án theo quy định tại Khoản 1 Điều 96 và Điều 98 Luật Tố tụng hành chính thì phải được công bố công khai cho các đương sự trong vụ án. Theo Biên bản phiên tòa sơ thẩm và Bản án sơ thẩm, tại thời điểm đại diện Chủ tịch Ủy ban phường Y cung cấp Quyết định 2308 người đại diện hợp pháp của bà H vắng mặt và bà H có đến nghe tuyên án, bà H là người khởi kiện, sơ thẩm không tiến hành việc công khai Quyết định 2308 cho bà H mà xem xét luôn tính hợp pháp của quyết định này là có sai sót. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử đã tiến hành việc công khai Quyết định 2308, đại diện người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung Quyết định này không ảnh hưởng đến quyền lợi của người thứ 3. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét luôn tính hợp pháp của quyết định 2308 theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 235 Luật tố tụng hành chính.

Chủ tịch Ủy ban phường Y đã căn cứ vào các Biên bản vi phạm hành chính số 80 và số 86 ban hành Quyết định 318 và Quyết định 1816 về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả do hành vi xây dựng không phép đối với người vi phạm là bà H. Trong các biên bản vi phạm ghi nhận bà H đã có hành vi tổ chức thi công xây dựng các công trình không có giấy phép xây dựng tại khu đất trồng đường Lê Sát và đường Đỗ Thừa Tự thuộc MPT26 tờ 108 BĐDC 2005 phường Y, diện tích và hiện trạng vi phạm, gồm:

- Cát dựng nhà tole với diện tích vi phạm: 4m x 4m;
- Xây dựng cột sắt, mái nhựa, diện tích vi phạm: 6m x 24m;

- Khung sắt mái nhựa, diện tích vi phạm: 4m x 8m

Trong Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/4/2017 thì kết quả xem xét, thẩm định ghi nhận diện tích, hiện trạng vi phạm đối với:

- Xây dựng cột sắt, mái nhựa, diện tích vi phạm là 6,2m x 19,9m

- Khung sắt mái nhựa, diện tích vi phạm là 3,7m x 9,4m.

Tại Giấy ủy quyền ngày 16/02/2002, bà Huỳnh Thị H được quyền đại diện cho Giáo xứ Tân Thái Sơn liên hệ các cơ quan có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Giáo xứ Tân Thái Sơn đối với khu đất trên. Tại Văn bản số 4197/TNMT-QLĐĐ ngày 23/11/2016 gửi bà H, phòng Tài nguyên và Môi trường quận T có nêu “...*Khu đất trên đã có Quyết định số 355/QĐ-UB ngày 29/5/1993 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cũ về thu hồi đất giao cho Ủy ban phường 16 cũ quản lý. Nay khu đất trên thuộc danh mục dự án xây dựng Trường Mầm non phường Y...không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điều 19 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ...*”

Trong quá trình giải quyết vụ bà H đã thừa nhận có việc xây dựng và thời gian xây dựng với hiện trạng và diện tích như các Biên bản vi phạm hành chính số 80; số 86 và Biên bản thẩm định tại chỗ đề ngày 27/4/2017 đã nêu và việc thừa nhận này phù hợp với phần ý kiến của bà H tại Biên bản họp đề ngày 27/10/2016 của Ủy ban phường Y. Hành vi của bà H đã quá thời hiệu xử phạt hành chính. Chủ tịch Ủy ban phường Y không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà ban hành Quyết định 381 và Quyết định 1816 để áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với bà H là có cơ sở và phù hợp với điểm b Khoản 1 Điều 28; Khoản 2 Điều 65 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Như đã nhận định, thẩm quyền ban hành và diện tích xây dựng ghi trong Quyết định 381 và Quyết định 1816 có sai sót, đây là lỗi của người ký do thiếu sự kiểm tra, nhưng lỗi này không làm thay đổi bản chất và nội dung vụ án, tại các Quyết định 1909 và 2308 Chủ tịch Ủy ban phường Y đã có sửa đổi, đính chính các phần sai sót phù hợp với khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà H và đề nghị của Luật sư Đức về việc hủy bản án sơ thẩm không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và đại diện Viện kiểm

sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được chấp nhận.

[4] Về án phí, xét:

Căn cứ Chứng minh nhân dân do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bà H sinh ngày 14/4/1956. Theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 trường hợp của bà H được miễn án phí, cấp sơ thẩm tuyên buộc bà H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là trái với các quy định này. Vì vậy, sửa án sơ thẩm về phần án phí. Đối với án phí phúc thẩm bà H được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 57; Khoản 1 Điều 96; Điều 98; Khoản 1 Điều 206; khoản 4 Điều 225; điểm b khoản 2 Điều 235 và Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 28; khoản 2 Điều 65 và Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Điều 126 và điểm b khoản 1 Điều 127 Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Huỳnh Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 03/2017/HC-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân quận T như sau :

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H về việc hủy Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 381/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 và Quyết định số 1816/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 01/3/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Y.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị H không phải chịu. Hoàn trả cho bà H 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/026319 và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0009840 ngày 04/10/2017 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự quận T.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng